TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:76/2018/HNGĐ-ST
Ngày:23/4/2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **THÂN VĂN KỲ**
2. Ông **LÊ VĂN LÂU**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 và giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh **VÕ VĂN B,** sinh năm 1973
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện CB, tỉnh TG.
Bị đơn:* Chị **TRẦN THỊ H, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện CB, tỉnh TG.
(Anh B có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 20/3/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn anh Võ Văn B trình bày:

Anh và chị H xác lập quan hệ vợ chồng năm 2002, không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân từ đó đến nay. Nay anh xin ly hôn chị H.

+ Về con chung : Anh chị có 01 con chung tên Võ Trần Trà M, sinh ngày 04/01/2005, khi ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu M, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Theo tờ tự khai đề ngày 05/4/2018 phía bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh B xác lập quan hệ hôn nhân năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, nguyên nhân theo chị là do anh B có quan hệ với người phụ nữ khác nên dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị có 01 con chung theo lời anh B trình bày là đúng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B, chị đồng ý để anh B tiếp tục nuôi con chung, chị không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh B vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên, còn chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về tố tụng:*** Chị Trần Thị H có đơn xin giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- ***Về nội dung:***

[1] Về quan hệ hôn nhân : Anh Võ Văn B và chị Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 2002, do không am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Theo lời anh B khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ thời gian đó đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau, nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành nên đã ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, nay anh xin ly hôn chị H. Phía chị H có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, tuy nhiên theo tờ tự khai chị cung cấp cho Tòa án đề ngày 05/4/2018 chị cũng xác định chị và anh B chung sống vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 thì mâu thuẫn do anh B có quan hệ với người khác, nay chị cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của anh B. Xét thấy anh B và chị H đều có ý kiến thống nhất thỏa thuận ly hôn, tuy nhiên trong thời gian chung sống với nhau từ năm 2002 cho đến nay anh, chị không có đăng ký kết hôn là vi phạm điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị H là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Võ Trần Trà M, sinh ngày 04/01/2005. Tại phiên tòa anh B vẫn giữ yêu cầu tiếp tục nuôi cháu M, phía chị H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo tờ tự khai ngày 05/4/2018 chị cũng đồng ý để anh B tiếp tục nuôi con chung. Mặc khác qua tham khảo ý kiến của cháu M cũng có nguyện vọng sống với anh B khi anh chị ly hôn. Xét thấy từ khi anh B và chị H ly thân, cháu M do anh B nuôi dưỡng đã ổn định, cháu M phát triển tốt cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận do anh B cung cấp có xác nhận của ban quản lý ấp A, xã B ngày 04/4/2018 về hiện trạng nuôi con của anh, do vậy hội đồng xét xử nhận thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung và ổn định cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao cháu M cho anh B nuôi là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B xác định đủ khả năng nuôi con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ ***Về quan hệ hôn nhân***:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Văn B và chị Trần Thị H.

2/ ***Về con chung***:

- Giao cháu Võ Trần Trà M, sinh ngày 04/01/2005 cho anh B nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị H được quyền tới lui thăm con chung theo quy định của pháp luật.

3/ ***Về tài sản chung***: Không có.

4/ ***Về nợ chung***: Không có.

5/ ***Về án phí***:

Anh Võ Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 08371 ngày 20/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như anh đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND Huyện Cái Bè*;
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *UBND xã Hậu Mỹ Bắc A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH